

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày: 07 - 5 -2020

V/v hợp đồng vay tài sản –
hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
- *Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thu Sương
Bà Trần Thị Kim Bình

- ***Thư ký phiên tòa :*** Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:***
Bà Lê Thị Kim Trang – kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản – hợp đồng góp hụi.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kiều Ng, sinh năm 1985, nơi cư trú: số 72/36, tổ 19, ấp BN, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng: Ông Lương T.H, sinh năm 1986, nơi cư trú: tổ 17, ấp Vĩnh Lộc, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 04/02/2020 tại Văn phòng công chứng Lục Văn Tiến) Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị Mỹ N, sinh năm 1974; ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Ngọc Tr), sinh năm 1969, cùng nơi cư trú: tổ 19, ấp BN, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2019 và lời khai của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kiều Ng trình bày:

Bà có tham gia dây hụi 5.000.000đ/tháng do bà N làm chủ hụi, khởi sự ngày 10/12/2018AL, có 17 người tham gia, bà tham gia 6 phần, hốt 3 phần với số tiền 186.000.000 đồng. Số tiền hụi chết bà phải đóng lại là 90.000.000đ, tiền hụi sống bà đã đóng 3 phần còn lại là 165.000.000đ. Khấu trừ qua lại giữa hụi sống và hụi chết thì bà N còn nợ bà số tiền 75.000.000đ.

Ngoài ra, bà N còn vay của bà 50.000.000 đồng, có biên nhận ngày 15/3/2019, hiện bà N đã trả được 9.200.000 đồng, còn nợ lại 40.800.000 đồng.

Số tiền bà N chơi hụi và vay được sử dụng chung trong gia đình và ông D chồng bà N đều biết rõ sự việc. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà N và ông D cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền còn nợ là 115.800.000 đồng, không tính lãi.

- Bị đơn bà Trương Thị Mỹ N, ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Ngọc Tr) đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông bà không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông bà.

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kiều Ng rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) của hợp đồng góp hụi, bà chỉ yêu cầu bà N và ông D cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ là 40.800.000đ (bốn mươi triệu, tám trăm ngàn đồng), không tính lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị một phần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà Ng số tiền 40.800.000đ. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 75.000.000đ của hợp đồng góp hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Bà Ng khởi kiện đối với bà N, ông D(Tr) cư trú tại thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 27, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bà Trương Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Ngọc Tr) dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D, bà N là phù hợp với qui định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Đối với hợp đồng vay tài sản:

Theo bà Ng thì bà N vay của bà số tiền 50.000.000đ, sau đó đã trả được 9.200.000đ, nay còn nợ lại 40.800.000đ nên nay bà khởi kiện yêu cầu bà N và ông D(Tr) cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là 40.800.000đ. Do theo bà, số tiền bà N chơi hụi và vay được sử dụng chung trong gia đình và ông D chồng bà N đều biết rõ sự việc.

Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N, ông D để ông bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay ông bà vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân. Qua xác minh thì địa phương xác định ông D, bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp BN, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang, hiện ông bà đã bỏ địa phương đi một thời gian, thỉnh thoảng có quay về địa phương.

Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 15/3/2019 có chữ ký, lấn tay của bà Trương Thị Mỹ N thể hiện nội dung số tiền vay là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), góp 01 ngày 1 triệu đồng, góp 2 tháng là đủ. Bà N không có ý kiến phản đối đối với biên nhận nợ cũng như chữ ký, lấn tay, như vậy đã có đủ cơ sở xác định giữa bà Ng và bà N có xác lập quan hệ vay tài sản đối với số tiền vốn vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) là có thật, việc giao dịch này hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với qui định pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Ng cho rằng bà N đã góp được tiền vốn vay là 9.200.000đ (chín triệu, hai trăm ngàn đồng) thì ngưng cho đến nay, như vậy là bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng vay qui định tại Điều 466 Bộ luật dân sự do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng, buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà Ng số tiền còn nợ là 40.800.000đ (bốn mươi triệu, tám trăm ngàn đồng) là có cơ sở.

Bà Ng cho rằng số tiền vay này ông D biết và được sử dụng chung trong gia đình tuy nhiên ngoài lời trình bày thì bà Ng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông D biết và đồng ý việc bà N vay tiền cũng như bà N sử dụng tiền vay vào nhu cầu thiết yếu của gia đình, biên nhận ngày 15/3/2019 chỉ có chữ ký xác nhận của bà N và không ghi nhận được sự thừa nhận của phía ông D(Tr). Do đó căn cứ vào Điều 3, Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không buộc ông D(Tr) cùng có nghĩa vụ liên đới với bà N trong việc trả nợ cho bà Ng.

[2.2] Về hợp đồng góp hụi:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Ng rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) của hợp đồng góp hụi. Xét thấy việc rút lại yêu cầu khởi kiện này tự nguyện và không trái quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 75.000.000đ của hợp đồng góp hụi. Khi có yêu cầu, bà Ng có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[2.3] Về tiền lãi: Do bà Ng không có yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Ng được chấp nhận do đó bà Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 27, Điều 35, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 20 Điều 3; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kiều Ng. Buộc bà Trương Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Kiều Ng số tiền 40.800.000đ (Bốn mươi triệu, tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kiều Ng về số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) của hợp đồng góp hội đối với bà Trương Thị Mỹ N, ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Ngọc Tr).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho bà Huỳnh Thị Kiều Ng số tiền 2.895.000đ (hai triệu, tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006114 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú.

Bà Trương Thị Mỹ N phải chịu 2.040.000đ (hai triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Kiều Ng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Ngọc Trữ) và bà Trương Thị Mỹ N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng. **THẨM PHÁN**
- **CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hường